Báo cáo HTML

**1. tag, attribute**

* HTML (Hyper text markup language): là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản, dùng để thiết lập trang web.
* Định nghĩa các đối tượng hiển thị và cách hiển thị của đối tượng đó trên trang web thông qua các thẻ.

<tagname> nội dung hiển thị </tagname>

Vd: <p>Hello</p>

* Thuộc tính Attribute được đưa vào 1 số thẻ để định dạng hiển thị cho đối tượng của thẻ, 1 thẻ có thể có 1 hoặc nhiều thuộc tính.
* Thuộc tính: class, id, title, style, …

<(tagname) (từ khóa)=”giá trị”> nội dung </(tagname)>

Vd: <p style=”color:red”> Hello </p>

**2. So sánh div, span**

* Thẻ <div>: định nghĩa 1 khu vực trong trang web, phân chia hoặc gộp các thẻ, khu vực khác nhau để tiện cho việc quản lý cũng như css.

Là 1 thẻ block, dùng kết hợp với css để tùy chỉnh layout cho trang web.

* Thẻ <span>: có tính chất trung tính, nó đc thêm vào đoạn văn nhưng k làm thay đổi thuộc tính cũng như hiển thị của đoạn văn.

Nó chỉ thay đổi khi bị tác động bằng css

Là thẻ inline

**3. So sánh th, td trong bảng**

* <th> xác định phần tử là tiêu đề cột trong hàng.
* <td> xác định là 1 ô trong hàng và được gán giá trị.

**4. So sánh ul, ol**

* <ul> tạo danh sách k có thứ tự: <ul type=”circle”>
* <ol> tạo danh sách có thứ tự: <ol type=”a” start=”1”>

**5. So sánh (attribute) id, class**

Đều dùng để đặt tên cho phần tử

* Id: là duy nhất, mỗi phần tử chỉ có thể có 1 id, các id trong tài liệu HTML k được trùng nhau
* Class: có thể sử dụng trên nhiều phần tử, 1 phần tử có thể có nhiều class.

**6. Thẻ meta**

***Tác dụng:***

* Cung cấp metadata về tài liệu HTML. Metadata sẽ k hiển thị trên trình duyệt nhưng sẽ được bộ máy tìm kiếm phân tích để lấy thông tin cơ bản về trang web.
* Metadata (siêu dl): là dạng dl thông tin mô tả về dl, được sd bởi các trình duyệt, bộ máy tìm kiếm và các dịch vụ web khác.
* Định nghĩa các thông tin cơ bản như khung nhìn, từ khóa, tác giả, chỉnh sửa cuối cùng và các metadata khác.

***Ví dụ:***

* Thiết lập khung nhìn:

<meta name=”viewport” content=”width=device-width, initial-scale=1.0”>

* Tự động tải lại trang sau 30s

<meta http-equiv=”refresh” content=”30”>

* Định nghĩa tác giả:

<meta name=”author” content=”yennt”>

…

***Lưu ý***

* Các thẻ meta luôn đc đặt trong head
* Metadata luôn đc khai báo theo cặp name/value
* Thuộc tính content phải đc định nghĩa nếu thuộc tính name/http-equiv đc định nghĩa.

***Các thuộc tính:***

* Charset: chỉ định mã hóa ký tự
* Content: giá trị của thuộc tính name/http-equiv
* http-equiv: cung cấp tiêu đề HTTP cho giá trị của content
* name: chỉ định 1 tên cho metadata
* schema: chỉ định lược đồ để giải thích content.

***Sự khác nhau HTML 4.01 và 5***

* HTML 5: có thuộc tính mơi charset, dễ dàng định nghĩa charset cho tài liệu html.
* Thuộc tính schema k hỗ trợ trong html 5.

**7. Nếu thêm thuộc tính defer, async vào thẻ script thì sẽ có khác biệt gì với thẻ script thông thường?**

* Với thẻ script k có thuộc tính gì thì file html sẽ được parse (phân tích cú pháp) cho đến khi gặp thẻ script. Lúc này, quá trình parse sẽ dừng để tải (fetch) file script về (nếu là external file), hoàn thành (execute) code script. Sau đó ms tiếp tục quá trình parse html.
* Với thẻ có async: khi quá trình parse html gặp script, nó sẽ vẫn tiếp tục parse html cho đến khi script đc load xong, thì quá trình parse html mới tạm dừng để hoàn thành (execute) những code script. Sau đó tiếp tục parse html.
* Với thẻ có defer: quá trình parse html sẽ k dừng lại mà parse đến khi hoàn thành, quá trình download các file script đc tiến hành song song. Cuối cùng hoàn thành (execute) script khi html đã parse xong.

**8. Tại sao cần đặt CSS ở head?**

* Nên khai báo css trước khi <body> bắt đầu, các styles sẽ thực sự được tải. Vì vậy users sẽ rất nhanh chóng nhìn thấy thứ gì đó xuất hiện trên màn hình của họ. Nếu k, users sẽ thấy màn hình trống trong 1 khoảng thời gian trước khi css đến tay họ.
* Nếu để style ở đâu đó trog <body>, tình duyệt phải hiển thị lại trang (mới và cũ) khi các styles đc khai báo đã đc phân tích cú pháp.

**9. Tại sao đặt** **JS trước thẻ </body>?**

* JS nên được đặt ở cuối tài liệu để nó k làm chậm quá trình tải song song của các phần tử trang. Trình duyệt có thể tải mã html 1 cách liên tục mà k bị dừng để chờ tải các tập tin JS được tham chiếu vào trang.
* Với 2 thuộc tính async, defer sẽ giúp mã lệnh JS đc tải bất đồng bộ cùng vs mã html, giúp trình duyệt có thể có thể tải html và JS cùng 1 lúc.

**10. Thuộc tính srcset và alt của thẻ img dùng cho mục đích gì?**

* src: chứa đường dẫn đến file hình ảnh
* srcset: cung cấp các file ảnh khác với các file đc cung cấp trên src, khai báo kích thước luôn trong srcset: srcset=”a.jpg 1000w, b.jpg 2000w”

Srcset cho trình duyệt lựa chọn như kích thước khung nhìn, sở thích người dùng, tình trạng mạng, …

* alt: mô tả hình ảnh, hiển thị trong trường hợp file ảnh lỗi, tốt cho SEO.

**11. Thẻ DOCTYPE để làm gì?**

* Khai báo DOCTYPE sử dụng để thông báo cho trình duyệt của khách truy cập trang web rằng tài liệu đc hiển thị là html.
* DOCTYPE k phải thẻ html, nó là hướng dẫn cho trình duyệt web về phiên bản html mà trang đc viết.
* HTML5: <!DOCTYPE html>, đặt ở đầu tài liệu html.